

Họ, tên:.....

Lớp:.....

DẦU MỎ VÀ KHÍ THIÊN NHIÊN

Câu 1: Thành phần chính của khí đồng hành là

- A. C_2H_2 . B. CH_4 . C. C_2H_4 . D. H_2 .

Câu 2: Để dập tắt đám cháy nhỏ do xăng, dầu người ta dùng biện pháp

- A. phun nước vào ngọn lửa. B. phủ chăn dày, ướt vào ngọn lửa.
C. thổi oxi vào ngọn lửa. D. phun dung dịch muối ăn vào ngọn lửa.

Câu 3: Crăckinh dầu mỏ để thu được

- A. hỗn hợp gồm nhiều hiđrocacbon có phân tử khối nhỏ hơn.
B. hỗn hợp gồm nhiều hiđrocacbon có phân tử khối lớn hơn.
C. dầu thô.
D. hiđrocacbon nguyên chất.

Câu 4: Thể tích oxi cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 10 lít khí thiên nhiên chứa 96% metan; 2% nitơ và 2% khí cacbon đioxit là (các thể tích khí đo trong cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất)

- A. 9,6 lít. B. 19,2 lít. C. 28,8 lít. D. 4,8 lít.

Câu 5: Đốt hoàn toàn V lít (ở đktc) khí thiên nhiên có chứa 96% CH_4 ; 2% N_2 và 2% CO_2 rồi dẫn toàn bộ sản phẩm qua dung dịch nước vôi trong dư ta thu được 29,4 gam kết tủa. Giá trị của V là

- A. 6,86 lít. B. 6,72 lít. C. 4,48 lít. D. 67,2 lít.

Họ, tên:.....

Lớp:.....

RƯỢU ETYLIC

Câu 1: Nhiệt độ sôi của rượu etylic là

- A. $78,3^0C$. B. $87,3^0C$. C. $73,8^0C$. D. $83,7^0C$.

Câu 2: Độ rượu là

- A. số ml rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.
B. số ml nước có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.
C. số gam rượu etylic có trong 100 ml hỗn hợp rượu với nước.
D. số gam nước có trong 100 gam hỗn hợp rượu với nước.

Câu 3: Trong 100 ml rượu 45^0 có chứa

- A. 45 ml nước và 55 ml rượu nguyên chất. B. 45 ml rượu nguyên chất và 55 ml nước.
C. 45 gam rượu nguyên chất và 55 gam nước. D. 45 gam nước và 55 gam rượu nguyên chất.

Câu 4: Công thức cấu tạo của rượu etylic là

- A. $CH_2 - CH_3 - OH$. B. $CH_3 - O - CH_3$.
C. $CH_2 - CH_2 - OH_2$. D. $CH_3 - CH_2 - OH$.

Câu 5: Nhóm $-OH$ trong phân tử rượu etylic có tính chất hóa học đặc trưng là

- A. tác dụng được với kim loại giải phóng khí hiđro.

- B. tác dụng được với natri, kali giải phóng khí hiđro.
- C. tác dụng được với magie, natri giải phóng khí hiđro.
- D. tác dụng được với kali, kẽm giải phóng khí hiđro.

Câu 6: Rượu etylic cháy trong không khí, hiện tượng quan sát được là

- A. ngọn lửa màu đỏ, tỏa nhiều nhiệt.
- B. ngọn lửa màu vàng, tỏa nhiều nhiệt.
- C. ngọn lửa màu xanh, tỏa nhiều nhiệt.
- D. ngọn lửa màu xanh, không tỏa nhiệt.

Câu 7: Tính chất vật lí của rượu etylic là

- A. chất lỏng không màu, nhẹ hơn nước, tan vô hạn trong nước, hòa tan được nhiều chất như iot, benzen,...
- B. chất lỏng màu hồng, nhẹ hơn nước, tan vô hạn trong nước, hòa tan được nhiều chất như: iot, benzen,...
- C. chất lỏng không màu, không tan trong nước, hòa tan được nhiều chất như: iot, benzen,...
- D. chất lỏng không màu, nặng hơn nước, tan vô hạn trong nước, hòa tan được nhiều chất như: iot, benzen,...

Câu 8: Trên nhãn của một chai rượu ghi 18^o có nghĩa là

- A. nhiệt độ sôi của rượu etylic là 18^oC.
- B. nhiệt độ đông đặc của rượu etylic là 18^oC.
- C. trong 100 ml rượu có 18 ml rượu etylic nguyên chất và 82 ml nước.
- D. trong 100 ml rượu có 18 ml nước và 82 ml rượu etylic nguyên chất.

Câu 9: Muốn có 100 ml rượu etylic 65^o ta cần

- A. 100 ml nước hòa với có 65 ml rượu nguyên chất.
- B. 100 ml rượu etylic nguyên chất có 65 ml nước.
- C. 65 ml rượu etylic nguyên chất hòa với 35 ml nước.
- D. 35 ml rượu nguyên chất với 65 ml nước.

Câu 10: Cho 11,2 lít khí etilen (đktc) tác dụng với nước có axit sunfuric (H₂SO₄) làm xúc tác, thu được 9,2 gam rượu etylic. Hiệu suất phản ứng là

- A. 40%.
- B. 45%.
- C. 50%.
- D. 55%.

Câu 11: Cho rượu etylic 90^o tác dụng với natri. Số phản ứng hóa học có thể xảy ra là

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 12: Để phân biệt hai chất lỏng không màu là benzen và rượu etylic ta dùng

- A. sắt.
- B. đồng
- C. natri.
- D. kẽm.

Câu 13: Cho một mẫu natri vào ống nghiệm đựng rượu etylic. Hiện tượng quan sát được là

- A. có bọt khí màu nâu thoát ra.
- B. mẫu natri tan dần không có bọt khí thoát ra.
- C. mẫu natri nằm dưới bề mặt chất lỏng và không tan.
- D. có bọt khí không màu thoát ra và natri tan dần.

Câu 14: Rượu etylic tác dụng được với dãy hóa chất là

A. KOH; Na; CH₃COOH; O₂.

B. Na; K; CH₃COOH; O₂.

C. C₂H₄; Na; CH₃COOH; O₂.

D. Ca(OH)₂; K; CH₃COOH; O₂.

Câu 15: Cho 23 gam rượu etylic nguyên chất tác dụng với natri dư. Thể tích khí H₂ thoát ra (đktc) là

A. 2,8 lít.

B. 5,6 lít.

C. 8,4 lít.

D. 11,2 lít.

Câu 16: Hòa tan 30 ml rượu etylic nguyên chất vào 90 ml nước cất thu được

A. rượu etylic có độ rượu là 20⁰.

B. rượu etylic có độ rượu là 25⁰.

C. rượu etylic có độ rượu là 30⁰.

D. rượu etylic có độ rượu là 35⁰.

Câu 17: Thể tích không khí (đktc) (chứa 20 % thể tích oxi) cần dùng để đốt cháy hoàn toàn 9,2 gam rượu etylic nguyên chất là

A. 6,72 lít.

B. 67,2 lít.

C. 13,44 lít.

D. 1,344 lít.

Câu 18: Đốt cháy hoàn toàn 57,5 ml rượu etylic. Thể tích khí CO₂ (đktc) sinh ra là (biết D = 0,8g/ml)

A. 2,24 lít.

B. 22,4 lít.

C. 4,48 lít.

D. 44,8 lít.

Câu 19: Đốt cháy hoàn toàn 20 ml rượu etylic a⁰, dẫn sản phẩm khí thu được qua dung dịch nước vôi trong dư thu được 60 gam kết tủa (biết D = 0,8g/ml). Giá trị của a là

A. 68,25.

B. 86,25.

C. 25,86.

D. 25,68.